

Trường: THCS PHAN CÔNG HÓN

Tổ: Âm nhạc – Mỹ Thuật

MÔN: ÂM NHẠC - KHỐI 9

(Từ ngày 18/10/2021 đến 23/10/2021)

A. Phần lý thuyết:

Tiết 7:

ÔN TẬP

A. LÝ THUYẾT:

a. Thực hành thuần thục bài hát:

- Bóng dáng một ngôi trường.
- Nụ cười

Sưu tầm một câu chuyện theo chủ đề:

- Lạc quan

b. Đọc nhạc kết hợp gõ phách mạnh:

- TĐN số 1 “Cây sáo”
- TĐN số 2 “Nghệ sỹ với cây đàn”

c. Nhạc lí: Nhận biết các quãng, giọng đã học

- Quãng
- Giọng Son trưởng
- Giọng mi thứ
- Giọng mi thứ hòa thanh

d. Âm nhạc thường thức:

- Nắm khái niệm và sưu tầm các ca khúc thiếu nhi phổ thơ
- Kể tên những tác phẩm nổi tiếng của nhạc sỹ Tchaikovsky

B. BÀI TẬP:

Thực hành ôn các nội dung nêu trên.

**Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ theo GVBM - Huyền Trang:
0979838830**

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9

(Từ ngày 18 /10/2021-23 /10/2021)

Tuần 7 VĂN BẢN:

CẢNH NGÀY XUÂN – MÃ GIÁM SINH MUA KIỀU- KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN (Nguyễn Du)

A. Vị trí đoạn trích:

- Cảnh ngày xuân nằm ở phần 1 của Truyện kiều “ Gặp gỡ và đính ước”
- MGS mua kiều và Kiều báo ân báo oán nằm ở phần 2 “ Gia biến và lưu lạc.”

B. Đọc, hiểu văn bản:

I. *Đoạn trích*”Cảnh ngày xuân”: (SGK /84,85)

1.Đại ý: Miêu tả cảnh du xuân trong lễ hội thanh minh của chị em Kiều.

2. Phân tích:

a. Bức tranh thiên nhiên mùa xuân (4 câu đầu)

- Con én đưa thoi -> **gợi thời gian, không gian**
- Thiều quang chín chục ...ngoài sáu mươi -> **ánh sáng**

-> **ẩn dụ, nhân hóa**

=> **Mùa xuân đẹp nhưng thấm thoát trôi mau. Tiết trời đã sang tháng 3, tháng cuối cùng của mùa xuân**

- *Cỏ non xanh* tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

-> **từ gợi tả, màu sắc hài hòa**

=> **Bức tranh mùa xuân được khắc họa qua cái nhìn của nhân vật trước ngưỡng cửa của tình yêu hiện ra thanh mảnh, mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống, khoáng đạt, trong trẻo, thanh khiết, có hồn.**

b. Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh (8 câu tiếp theo)

- **Hoạt động:** + *tảo mộ* (sửa sang phần mộ cho người đã khuất)
+ *đạp thanh* (giẫm lên cỏ xanh)

-> Truyền thống văn hóa lễ hội.

- **Không khí:** + *Gần xa nô nức* (TT) -> Tâm trạng náo nức
+ *Yến anh, tài tử giai nhân* (DT) -> gợi sự đông vui, náo nhiệt.
+ *sắm sửa, dập dìu* (ĐT) -> không khí nhộn nhịp, rộn ràng.
+ ...như nước...như nêm

-> Từ láy, so sánh, miêu tả

=> Không khí lễ hội diễn ra tưng bừng, nhộn nhịp, mọi người náo nức đón xuân.

c. Cảnh chị em Kiều đi du xuân trở về (6 câu cuối)

- **Thời gian:** *bóng ngả về tây* -> Không gian thay đổi, thời gian nhạt dần.
- **Cảnh vật:** *ngọn tiêu khô, phong cảnh thanh thanh, dòng nước uốn, dịp cầu nho nhỏ* -> Cảnh vẫn mang cái thanh, cái đẹp của mùa xuân.
- **Tâm trạng:** *thơ thẩn, nao nao*. -> tiếc nuối, băng khuâng

-> từ láy tả cảnh ngụ tình.

=> Cảnh vật nhuộm màu tâm trạng (nao nao): buồn, băng khuâng (về một ngày vui đang còn mà đã linh cảm về một điều sắp xảy ra, cảnh hoang hờn dự báo, linh cảm cho một đoạn trường mà đời Kiều sắp bước qua.

3. Ghi nhớ: SGK/ 87

II. Đoạn trích “Mã Giám Sinh mua kiều”: (SGK/ 97,98)

1. **Đại ý:** Miêu tả bản chất con buôn của MGS và tâm trạng đau đớn, tủi nhục của Kiều trong cảnh ngộ bất hạnh đầu tiên của mình.

2. Phân tích:

a. Chân dung Mã Giám Sinh:

- **Tên:** Mã Giám Sinh
- **Quê:** *huyện Lâm Thanh cũng gần*
- **Tuổi:** *ngoại tứ tuần* -> Ăn nói cộc lốc, lai lịch không rõ ràng.

- **Diện mạo:** *mày râu... bảnh bao* -> **trau chuốt**.
- **Tính cách:** “*Trước thầy..lao xao*
Ghế trên ngòai tốt sỗ sàng” -> **ngỗ ngáo, hỗn xược, mất lịch sự.**
Dẫn đo cân...thử....
Cò kèngả giá. -> **Keo kiết, xảo quyệt.**

-> **bút pháp tả thực.**

=> **Bóc trần bản chất con buôn của Mã Giám Sinh.**

b. Tâm trạng Thúy Kiều:

- “*Nỗi mình...lệ hoa mấy hàng*” -> **đau đớn, nhọc nhã.**
- “*Ngại ngừng.... mặt dày*” -> **khổ đau, căm lạng.**

-> **ẩn dụ, miêu tả tâm trạng.**

=> **Đau đớn, tức giận tột cùng.**

c. Thái độ tác giả:

Nhà thơ đau đớn, chua chát khi nhìn thấy thế lực đồng tiền chà đạp lên nhân phẩm con người.

3. Ghi nhớ: SGK/99

III. Đoạn trích “ Kiều báo ân báo oán” (SGK/ 106.107)

1. Đại ý: Thể hiện tấm lòng nhân nghĩa, cao thượng của Thúy Kiều và ước mơ công lí trong thời đại Nguyễn Du.

2. Phân tích:

a. Kiều báo ân: (12 câu đầu)

- “*Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân...báo ân gọi là.*”

-> **Tấm lòng biết ơn, trân trọng của Thúy Kiều đối với Thúc Sinh**

b. Kiều báo oán: (22 câu cuối)

THÚY KIỀU	HOẠN THU
-----------	----------

- Chào thưa, tiểu thư - dễ có ,dễ dàng ,mấy tay,mấy mặt...càng cay nghiệt càng oan trái nhiều. -> giọng mỉa mai, đay nghiến ->quyết trừng trị Hoạn Thư. - Thái độ và hành động trước lời biện hộ của Hoạn thư: “Khen cho.....tha ngay” -> Là người giàu lòng vị tha,nhân hậu.	- hồn lạc phách xiêu. Khấu đầu kêu ca. -> Thái độ hoảng hốt ,sợ hãi - Biện hộ: +..đàn bà ghen tuông là thường tình. +cho..gác viết kinh...chẳng theo +..Chồng chung...ai chiều cho ai. +Trót lòng gây việc...nào chẳng. ->Là một người khôn ngoan, sợ hãi mà vẫn khéo léo bào chữa tội cho mình.
---	--

3.Ghi nhớ: (SGK / 109)

Tiết

VĂN BẢN

LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGÀ

Nguyễn Đình Chiểu

I.Đọc hiểu chú thích: (SGK / 112,113)

1.Tác giả: Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tục gọi là Đồ Chiểu,

- Ông sinh ra tại quê mẹ ở Gia Định,quê cha Thừa Thiên Huế.

- Đỗ tú tài năm 21 tuổi (1843)

- Cuộc đời gặp nhiều bất hạnh: bị mù,bị bội hôn...

- Không đầu hàng số phận về Gia Định: dạy học, làm thầy thuốc. Khi Thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ, Ông sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân
- Là một nhà thơ lớn của dân tộc, để lại nhiều áng văn chương có giá trị nhằm: truyền bá đạo lý làm người("Truyện Lục Vân Tiên", " Dương Từ - Hà Mậu"). Cổ vũ lòng yêu nước(" Chạy giặc", " Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"...)

2. Tác phẩm: Truyện Lục Vân Tiên

- **Xuất Xứ:** ra đời khoảng đầu những năm 50 của thế kỷ 19 (1850).
- **Thể loại:** truyện thơ Nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát,.
- **Kết cấu :** Theo từng chương hồi xoay quanh diễn biến cuộc đời các nhân vật chính. Có tính ước lệ, khuôn mẫu
- > Nhằm mục đích truyền dạy đạo lý làm người, phản ánh khát vọng của nhân dân.
- **Tóm tắt tác phẩm:** chia làm 4 phần
- + Lục Vân Tiên đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga
- + Lục Vân Tiên gặp nạn
- + Lục Vân Tiên gặp nạn được cứu.
- + Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga, sum vầy, hạnh phúc

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần đầu của truyện Lục Vân Tiên

2. Phân tích:

a Nhân vật Lục Vân Tiên:

*** Hành động đánh cướp:** (14 câu đầu)

- Ghé bên đàng, bẻ cây... xông vô.-> **nhANH, dứt khoát**
- Bớ đảng hung đồ ...hại dân -> **Lời nói thể hiện thái độ bất bình, phẫn nộ, có nghĩa khí**
- “ ...tả đột hữu xông
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương”

So sánh. -> Dũng cảm, khí phách hiên ngang

=> Bậc anh hùng hào hiệp, dũng cảm, vị nghĩa vong thân.

*** Lục Vân Tiên gặp Kiều Nguyệt Nga:(Phần còn lại)**

“ Hỡi ai than khóc...
Nghe nói động lòng.....
Khoan khoan ngồi đó...ta là phận trai”

-> **Nhân hậu, cư xử đúng mực, có văn hóa, biết giữ lễ nghĩa.**

“ ... nghe nói liền cười
Làm ơn há dễ trông người trả ơn
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

-> **Từ chối trả ơn, xem việc làm là bổn phận, trách nhiệm.**

=>Lục Vân Tiên là người hào hiệp, chính trực, trọng nghĩa khinh tài. Hiện thân của cái thiện chống cái ác.

b.Nhân vật Kiều Nguyệt Nga:

-**Xưng hô:** quân tử - tiện thiếp -> **khiêm nhường, cư xử đúng mực.**
- Làm con dâu dám cãi cha -> **người con hiếu thảo.**
- “Lâm nguy...
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.” -> **Cảm kích, biết ơn và mong được đền ơn.**

=> Kiều Nguyệt Nga là một cô gái khuê các, nết na, hiếu thảo, ân tình.

III.Ghi nhớ: (SGK / 115)

ÔN TẬP

I. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI:

STT	Đoạn trích- Thể loại	Tác giả	Nội dung chủ yếu	Đặc sắc nghệ thuật
1	Chuyện người con gái Nam	Nguyễn Dữ	Niềm cảm thương đối với số phận oan	- Khai thác vốn văn học dân gian.

	Xương -Thể loại: Truyện kì		nghiệt của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của họ.	- Sáng tạo về nhân vật, sáng tạo trong cách kể chuyện, sử dụng yếu tố truyền kỳ. - Sáng tạo nên một kết thúc tác phẩm không mòn sáo.
2	Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh -Thể loại: Tùy bút	Phạm Đình Hồ	Phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự những nhieu của bọn quan lại thời Lê Trịnh.	-Lựa chọn ngôi kể phù hợp. - Lựa chọn sự việc tiêu biểu, có ý nghĩa phản ánh bản chất sự việc, con người. - Miêu tả sinh động, tỉ mỉ, chân thực, khách quan, cảm xúc được bộc lộ một cách kín đáo sâu sắc thể hiện thái độ bất bình của tác giả.
3	Hoàng Lê nhất thống chí -Thể loại: Chí	Ngô Gia Văn Phái	Tái hiện hình ảnh người anh hùng Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá 20 vạn quân Thanh và tình cảnh thất bại ê chề, nhục nhã của bọn vua quan bán nước, cướp nước.	- Lựa chọn trình tự kể theo diễn biến các sự kiện lịch sử - Khắc họa các nhân vật lịch sử. - Ngôn ngữ kể, tả chân thật, sinh động. - Giọng điệu trần thuật thể hiện thái độ của tác giả.
4	Chị em Thuý Kiều Thể loại: Thơ lục bát	Nguyễn Du	Ca ngợi vẻ đẹp,tài năng của 2 chị em Thuý Kiều và dự báo cuộc đời, số phận của 2 chị em.	- Sử dụng những hình ảnh tượng trưng, ước lệ. - Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ miêu tả tài tình. - Thủ pháp đòn bẩy.
5	Cảnh ngày xuân	Nguyễn Du	Bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa	-Sử dụng ngôn ngữ miêu tả giàu hình ảnh,

			xuân đẹp, trong sáng.	giàu nhịp điệu, diễn tả tinh tế tâm trạng nhân vật. - Miêu tả theo trình tự thời gian cuộc du xuân của chị em Thuý Kiều.
6	Kiều ở lầu Ngưng Bích	Nguyễn Du	Tâm trạng cô đơn, buồn tủi của Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích và tấm lòng hiếu thảo, thủy chung của nàng.	- Nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật: diễn biến tâm trạng được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại và tả cảnh ngụ tình đặc sắc. - Lựa chọn từ ngữ,
7	Mã Giám Sinh mua Kiều	Nguyễn Du	Bóc trần bản chất xấu xa, đê tiện của MGS và lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên tài sắc, nhân phẩm Kiều.	-Miêu tả trực tiếp ngoại hình, cử chỉ và ngôn ngữ để khắc họa tích cách nhân vật phản diện.
8	Kiều báo ân, báo oán	Nguyễn Du	Thể hiện tấm lòng nhân nghĩa, cao thượng của Thuý Kiều và ước mơ công lí trong thời đại Nguyễn Du,	-Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc. khắc họa tính cách qua ngôn ngữ đối thoại. -Từ ngữ mang tính nôm na, bình dân.
9	Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga Thể loại: Thơ lục bát	Nguyễn Đình Chiểu	Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của 2 nhân vật: LVT tài ba, dũng cảm trọng nghĩa khinh tài. KNN hiền hậu, nết na, trọng ân tình.	- Miêu tả nhân vật chủ yếu được qua cử chỉ, hành động, lời nói. - Sử dụng ngôn ngữ mộc mạc, bình dị, gần gũi với lời nói thông thường mang nhiều màu sắc Nam Bộ rõ nét, phù hợp với diễn biến tình tiết truyện

II. Tiếng Việt:

1.Các phương châm hội thoại:

a.Phương châm về lượng:

Khi giao tiếp cần nói đúng,đủ nội dung,không thừa,không thiếu.

VD: Tôi là giáo viên.

b. Phương châm về chất:

Khi giao tiếp cần nói đúng sự thật,có bằng chứng xác thực.

VD: Bạn uống trà sẽ giảm cân. (vì phạm PC về chất)

c.Phương châm quan hệ:

Khi giao tiếp cần nói đúng vào đề tài giao tiếp,tránh lạc đề.

VD: Thành ngữ Trống đánh xuôi kèn thổi ngược. (vì phạm PC quan hệ)

d. Phương châm cách thức:

Khi giao tiếp cần nói ngắn gọn,rành mạch,tránh nói mơ hồ.

VD: Thành ngữ Nói ra đầu ra đũa.

đ. Phương châm lịch sự: Khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác.

VD: Em chào Thầy.

2.Xưng hô trong hội thoại:

Tiếng việt có một hệ thống từ ngữ xưng hô rất phong phú,tính tế và giàu sức biểu cảm. Tùy vào tình huống giao tiếp và mối quan hệ với người nghe mà lựa chọn từ ngữ xưng hô cho thích hợp.

VD: Mẹ lấy giúp con quyển tập.

3.Cách dẫn trực tiếp – gián tiếp:

a. Cách dẫn trực tiếp:

Là nhắc lại nguyên văn lời nói, ý nghĩ của người nói hoặc nhân vật ,được đặt trong dấu ngoặc kép và đứng sau dấu hai chấm.

VD: Thầy hiệu trưởng căn dặn: “ Các em phải chấp hành đúng luật giao thông đường bộ .”

b.Cách dẫn gián tiếp:

Là thuật lại lời nói, ý nghĩ của người nói hoặc nhân vật có sự điều chỉnh cho thích hợp không đặt trong dấu ngoặc kép và trước nó có từ “rằng”/ “là”.

VD: Thầy Hiệu trưởng căn dặn là chúng em phải chấp hành đúng luật giao thông đường bộ.

4. Sự phát triển của từ vựng:

a.Sự phát triển nghĩa của từ:

Dựa vào *nghĩa gốc* suy ra *nghĩa chuyển*. Có 2 phương thức chuyển: *Ẩn dụ và hoán dụ*.

VD: -Em bị đau **chân**. (**Nghĩa gốc**)

- Chiếc ghế này đã gây một **chân**. (**Nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ**)

- Bạn Lan có **chân** trong đội tuyển môn Văn của trường. (**Nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ**)

b.Phát triển số lượng từ ngữ: *bằng cách tạo từ mới và mượn từ.*

-**Tạo từ mới:** **Ghép từ có sẵn** và dựa mô hình **X+ trường**.

VD: Giáo án điện tử, đường dây nóng, Bác sĩ, Nha sĩ, Tu sĩ, Nghệ sĩ...

-**Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài:**

VD: Giáo viên, Thí sinh (**mượn tiếng Hán**), In-tơ-nét (**mượn ngôn ngữ Châu âu**)

5.Thuật ngữ:

Là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ thường được dùng trong các văn bản khoa học công nghệ.

VD: Hiệu điện thế, đường trung trực, A xít, nhân hóa.....

PHIẾU HỌC TẬP

1/ Nhớ lại một vài tác phẩm mà em biết, liệt kê vào vở theo gợi ý trong bảng những câu hỏi bên dưới:

Tên tác phẩm	Nhân vật hiền lành gặp may mắn, hạnh phúc	Nhân vật độc ác bị trừng trị thích đáng

2/ Trình bày cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên trong đoạn thơ sau:

**“ Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa**

(Truyện Kiều –Nguyễn Du)

.....

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Yến Ngọc: 0349367617

Cô Trang: 0987585849

Cô Thanh: 07084399004

Cô Mai: 0935713253

Cô Thu Thủy: 0903192050

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 9 – TUẦN 7

(Từ 18/10/2021 đến 23/10/2021)

Nội dung: Ôn Bài thể dục phát triển chung lớp 9.

- Chạy cự ly ngắn: Ôn các động tác hỗ trợ chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, chạy gót chạm mông, chạy đạp sau, đứng mặt hướng chạy - xuất phát, đứng vai hướng chạy - xuất phát, đứng lưng hướng chạy - xuất phát, đứng tại chỗ đánh tay.

I/ Mở Đầu:

1. Nhận lớp: Giáo viên nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học.

2. Khởi động:

Đánh tay cao thấp, xoay cổ, xoay cổ tay cổ chân, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, tay ngực, lưng bụng, vặn mình, xoay hông, xoay gối, ép dọc, ép ngang (học sinh xem video).

II/ Cơ Bản:

1. Bài Thể dục:

*** Ôn Bài thể dục phát triển chung lớp 9:**

Học sinh ôn lại bài thể dục – cả lớp – Xem clip mẫu (2 lần).

2. Chạy cự li ngắn:

*** Ôn các động tác hỗ trợ chạy cự li ngắn:**

- Chạy bước nhỏ.
- Chạy nâng cao đùi.
- Chạy gót chạm mông.
- Chạy đạp sau.
- Đứng mặt hướng chạy - xuất phát.
- Đứng vai hướng chạy - xuất phát.
- Đứng lưng hướng chạy - xuất phát:

+ Chuẩn bị: Đứng chân thuận phía sau, gót chân sát mép vạch xuất phát, lưng quay về hướng chạy. Hai bàn chân chạm đất bằng nửa bàn chân trên, hai gối hơi khuyu. Hai tay buông tự nhiên đặc ở tư thế hơi co như đang chạy, thân trên hơi ngã về trước.

+ Động tác: Khi có lệnh “**chuẩn bị**” hơi hạ thấp trọng tâm hơn một chút nữa so với lúc vào chỗ, mặt quay ra phía sau, lắng nghe hiệu lệnh tiếp theo. Khi có lệnh xuất phát, nhanh chóng xoay thân và chân, chạy nhanh về phía trước.

- Đứng tại chỗ đánh tay:

+ Chuẩn bị: Đứng chân trước, chân sau hoặc hai chân song song cách nhau một khoảng nhỏ hơn vai. Hai đầu gối hơi khuyu, hai tay co, trọng tâm dồn trên hai chân.

+ Động tác: Đánh tay theo nhịp độ tăng dần, góc độ giữa cánh tay và cẳng tay nhỏ dần đến mức độ hợp lý.

HS thực hiện mỗi động tác 3 lần, mỗi lần 20s.

III/ Kết Thúc:

- Thả lỏng: Đứng tại chỗ làm các động tác gập thân thả lỏng, rũ tay rũ chân, lắc đùi.

- Giáo viên nhận xét, biểu dương những học sinh tập luyện tích cực, nhắc nhở những học sinh chưa tốt.

- Đánh giá kết quả giờ học.

- Giao bài tập về nhà, xuống lớp.

*** BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE MÙA DỊCH:**

Chạy tại chỗ hoặc nhảy dây từ 3 đến 8 phút.

❖ Phiếu học tập:

- Các em ôn và tập luyện bài thể dục phát triển chung lớp 9 từ nhịp 1 – nhịp 45 thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác 1 cách chính xác.

- Các em ôn các động tác bổ trợ chạy cự li ngắn, mỗi động tác 3 lần, mỗi lần 20s.

- Thường xuyên luyện tập bài tập phát triển thể lực và nâng cao sức khỏe.

- Các em trả lời câu hỏi lý thuyết sau:

Câu 1: Em hãy trình bày kỹ thuật đứng lưng hướng chạy - xuất phát?

Câu 2: Em hãy trình bày kỹ thuật đứng tại chỗ đánh tay?

HẾT

MÔN CÔNG NGHỆ 9(Nấu ăn)
GV: Hoàng Thị Bích Nguyệt- ĐT: 0797899243

BÀI 5. THỰC HÀNH XÂY DỰNG THỰC ĐƠN

Tiết 7(18/10 > 23/10)

I. Thực đơn cho các bữa ăn thường ngày của gia đình

1/ Thực đơn là gì?

- Là bảng ghi lại tất cả những món ăn dự định sẽ phục vụ trong bữa tiệc, bữa cỗ, bữa liên hoan hay bữa ăn hằng ngày.

2/ Giá trị dinh dưỡng của thực đơn

- Chọn đủ 4 nhóm thực phẩm cần thiết trong một ngày.

* Nhóm đạm.

* Nhóm béo

* Nhóm đường bột

* Nhóm giàu vitamin và chất khoáng

3/ Đặc điểm của các thành viên trong gia đình

- Tuổi tác, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp, hoạt động, sở thích ăn uống cần được quan tâm khi xây dựng thực đơn.

- Cần xây dựng thực đơn hợp lý, thay đổi món ăn phù hợp và cân bằng dinh dưỡng trong một bữa ăn.

❖ Thực hành xây dựng thực đơn

Em hãy xây dựng thực đơn một bữa ăn ngày thứ năm của em tại gia đình (gồm 3 đến 4 món).

.....

Dặn dò HS ghi bài vào tập.

Bài Tập: 1/ Em hãy cho biết tại sao phải xây dựng thực đơn?

2/ Thực đơn hàng ngày gồm các món nào, kể ra?

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 9

(Từ ngày 18/10/2021 đến ngày 23/10/2021)

Bài 13: VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CỦA DỊCH VỤ

A.LÝ THUYẾT

Câu 1: Dựa vào hình 13.1 cho biết cơ cấu dịch vụ nước ta gồm các ngành nào? Nhận xét? Cho ví dụ chứng minh rằng nền kinh tế càng phát triển thì hoạt động dịch vụ càng trở nên đa dạng.

Dịch vụ Tiêu dùng	Dịch vụ Sản xuất	Dịch vụ Công cộng
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

Cho ví dụ:

.....

.....

.....

Câu 2: Dựa vào SGK cho biết vai trò của ngành dịch vụ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Dựa vào hình 13.1 so sánh tỉ trọng của các nhóm dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất, dịch vụ công cộng và nêu nhận xét?

Gợi ý:

- Cho biết tỉ trọng của từng ngành trong từng nhóm dịch vụ.
- Cho biết nhóm nào chiếm tỉ trọng cao nhất, thấp nhất.
- Kết luận nhóm dịch vụ nào đang phát triển nhất.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

***BÀI HỌC**

1. Cơ cấu và vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế

a. Cơ cấu ngành dịch vụ

- Dịch vụ là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người.
- Cơ cấu dịch vụ: gồm các nhóm ngành dịch vụ tiêu dùng, dịch vụ sản xuất, dịch vụ công cộng.
- Kinh tế ngày càng phát triển thì dịch vụ phát triển với cơ cấu đa dạng.

b. Vai trò của dịch vụ

- Cung cấp nguyên, vật liệu cho sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho các ngành kinh tế.
- Tạo mối liên hệ giữa ngành và vùng trong nước và giữa nước ta với nước ngoài.
- Tạo việc làm, nâng cao đời sống, đem lại nguồn thu nhập lớn cho nền kinh tế quốc dân.

2. Đặc điểm phát triển và phân bố các ngành dịch vụ ở nước ta

a. Đặc điểm phát triển

- Dịch vụ nước ta chưa phát triển mạnh so với các nước trong khu vực.
- Ngành dịch vụ phát triển nhất hiện nay là ngành dịch vụ tiêu dùng.

b. Đặc điểm phân bố: sự phân bố dịch vụ phụ thuộc chặt chẽ vào phân bố dân cư và sự phát triển sản xuất.

- Giao thông vận tải: có đủ các loại hình vận tải, phân bố rộng khắp cả nước, chất lượng đang được nâng cao.
- Bưu chính viễn thông: phát triển nhanh.
- Thương mại: phát triển cả nội thương và ngoại thương, phát triển không đều giữa các vùng.
- Du lịch: tiềm năng phong phú, phát triển nhanh.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ.

-Xem trước bài 14

- Học bài 13

-Làm bài và ghi bài vào tập.

Bài 14: GIAO THÔNG VẬN TẢI VÀ BUƯ CHÍNH VIỄN THÔNG

A. LÝ THUYẾT

Dựa vào SGK, trả lời các câu hỏi sau

Câu 1:

- Dựa vào bảng 14.1 cho biết: Loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá. Tại sao ?

- Dựa vào hình 14.1 lược đồ mạng lưới giao thông, hãy xác định các tuyến đường bộ quan trọng ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Dựa vào hình 14.1 kể tên các tuyến đường sắt chính? Cho biết vai trò của tuyến đường sắt thống nhất ?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Kể tên các cảng sông, cảng biển, các tuyến giao thông đường biển quốc tế ?
Vai trò của vận tải biển đối với kinh tế đối ngoại?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Xác định các sân bay và các tuyến giao thông hàng không quốc tế ?
Nêu vai trò và chức năng của giao thông đường ống ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

***BÀI HỌC**

I. Giao thông vận tải

- Vai trò: có vai trò quan trọng trong mọi ngành kinh tế , giao thông nối liền các mối liên hệ trong sản xuất và giữa sản xuất với thị trường. Giao thông góp phần phát triển kinh tế các vùng khó khăn, nâng cao đời sống nhân dân.
- Giao thông vận tải nước ta đã phát triển đầy đủ các loại hình:
- Đường bộ: chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giao thông, là phương tiện vận tải chủ yếu của nước ta. Nhiều tuyến đường được mở rộng và nâng cấp. Phần lớn các tuyến đường giao thông phát triển theo hai hướng chính: Bắc-Nam và Đông –Tây.
- Đường sắt: tuyến đường chính là đường sắt thống nhất nối liền hai miền Nam –Bắc.
- Đường sông: phần lớn được khai thác tập trung ở lưu vực sông Hồng và sông Cửu Long.
- Đường biển: được phát triển nhờ mở rộng mối quan hệ quốc tế.
- Đường hàng không: được hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới quốc tế và nội địa.
- Đường ống: phát triển để vận chuyển dầu khí.

II. Bưu chính viễn thông

Giảm tải theo công văn 4040 của Bộ.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Làm bài và viết phần bài học vào tập.
- Học bài 14.
- Xem trước nội dung bài 15.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Ngọc Tơ

-SĐT: 0933773181

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 9

(Từ ngày 18/10/2021 đến ngày 09/10/2021)

Tiết 10

Chủ đề: MUỐI

Tính chất hóa học của muối

A. LÝ THUYẾT:

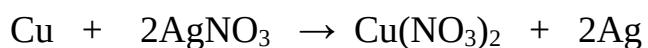
I. TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA MUỐI

1. Tác dụng với kim loại

Thí nghiệm: - Ngâm một đoạn dây Cu trong dung dịch AgNO_3



Hiện tượng: - Có kim loại màu xám bám xung quanh đoạn dây Cu. Dung dịch AgNO_3 ban đầu không màu chuyển dần sang màu xanh.



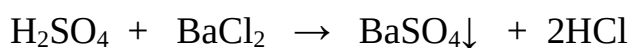
Kết luận: Dung dịch muối có thể tác dụng với kim loại tạo thành muối mới và kim loại mới

2. Tác dụng với acid

Thí nghiệm: Nhỏ vài giọt dung dịch H_2SO_4 vào ống nghiệm đựng 1ml dung dịch muối BaCl_2 .



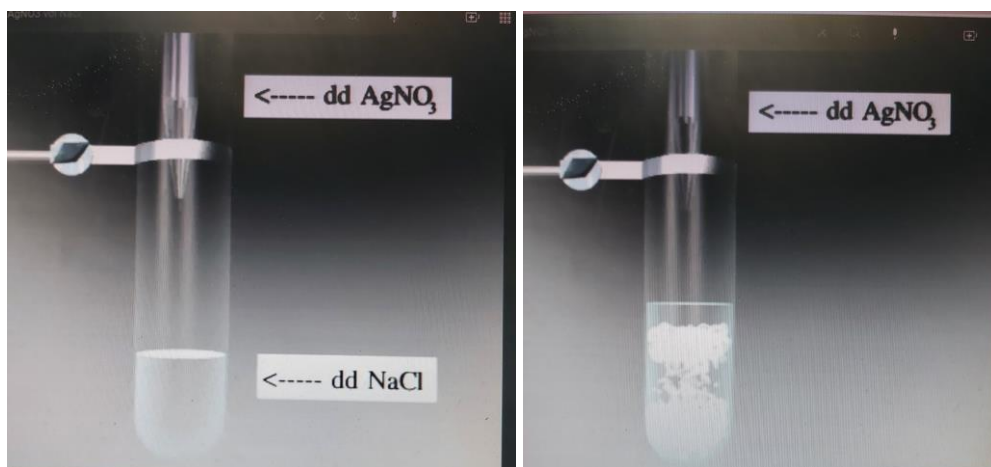
Hiện tượng: Có kết tủa trắng đục xuất hiện.



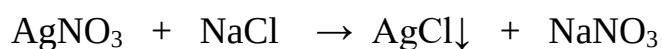
Kết luận: Muối có thể tác dụng với acid, sản phẩm là muối mới và acid mới.

3. Tác dụng với dung dịch muối

Thí nghiệm: Nhỏ vài giọt dung dịch AgNO_3 vào ống nghiệm có sẵn 1 ml dung dịch NaCl



Hiện tượng: Xuất hiện kết tủa trắng lắng xuống đáy ống nghiệm.



Kết luận: Hai dung dịch muối có thể tác dụng với nhau tạo thành hai muối mới.

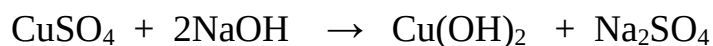
Chú ý : Sau phản ứng phải có chất không tan

4. Tác dụng với dung dịch base

Thí nghiệm: Phản ứng giữa dung dịch muối CuSO_4 và dung dịch NaOH .



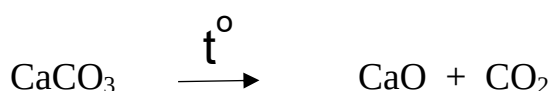
Hiện tượng: Xuất hiện chất không tan màu xanh.



Kết luận: Muối + Base $\longrightarrow$ Muối mới + Base mới

Chú ý : Sau phản ứng phải có chất không tan

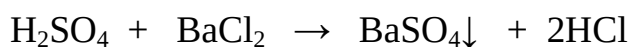
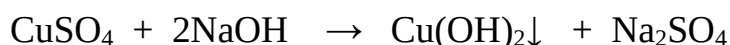
5. Phản ứng phân hủy muối



II. PHẢN ỨNG TRAO ĐỔI TRONG DUNG DỊCH

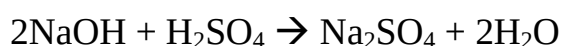
1. Nhận xét về các phản ứng hóa học của muối:

Phản ứng trong dung dịch của muối với acid, với base, với muối xảy ra có sự trao đổi các thành phần với nhau để tạo ra những hợp chất mới”

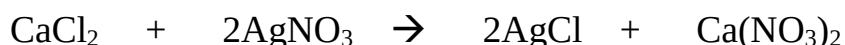
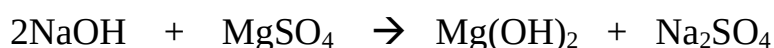
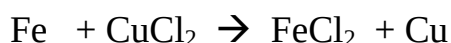


3. Điều kiện xảy ra phản ứng trao đổi:

Chú thích : Phản ứng trung hòa cũng thuộc loại phản ứng trao đổi và luôn xảy ra.



B.VÍ DU:



C. PHIẾU HỌC TẬP

1. Có 3 lọ không nhãn mỗi lọ đựng các dung dịch sau : NaOH, NaCl, NaNO₃.
Hãy dùng những dd có sẵn trong phòng TN để nhận biết mỗi lọ. Viết các PTHH.(bài này được làm trong các tiết trước)

[illegible]

2. Hoàn thành các phương trình hóa học sau:



Hướng dẫn giải :

1.

- Dùng giấy quỳ tím tác dụng vào 3 mẫu thử:
Nếu giấy quỳ tím hóa xanh thì dung dịch ban đầu là dung dịch NaOH.
Nếu giấy quỳ tím không đổi màu thì dung dịch ban đầu là NaCl, NaNO₃.
- Dùng dung dịch AgNO₃ vào 2 dung dịch NaCl, NaNO₃.
Nếu có xuất hiện kết tủa trắng thì dung dịch ban đầu là dd NaCl
Còn lại không có hiện tượng thì dung dịch ban đầu là dd NaNO₃
PT : $\text{AgNO}_3 + \text{NaCl} \rightarrow \text{AgCl}\downarrow + \text{HNO}_3$

2. Hoàn thành các phương trình hóa học sau:



Dặn dò :

- Chép phần A và B vào tập
- Học lại hóa trị của các nguyên tố và nhóm nguyên tử
- Hoàn thành phiếu học tập.
- Xem trước bài 10.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3 Cô Xem SĐT: 0767108446

4.Cô Huệ SĐT: 785656236

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 9

(Từ ngày 18/10/2021 đến ngày 23/10/2021)

Tiết 12

Chủ đề: MỘT SỐ MUỐI QUAN TRỌNG (NaCl và KNO₃)

A. LÝ THUYẾT:

1. Muối Sodium chloride (NaCl)

NaCl có nhiều trong tự nhiên, dưới dạng hòa tan trong nước biển và kết tinh trong mỏ muối. NaCl có vai trò quan trọng trong đời sống và là nguyên liệu cơ bản của nhiều ngành công nghiệp hóa chất.

2. Muối Potassium nitrate (KNO₃): Học sinh đọc, tìm hiểu ở SGK trang 35

B. VÍ DỤ:

Dung dịch NaOH có thể dùng để phân biệt 2 muối có trong mỗi cặp chất sau được không?

a/ Dung dịch K₂SO₄ và dung dịch Fe₂(SO₄)₃

b/ Dung dịch Na₂SO₄ và dung dịch CuSO₄

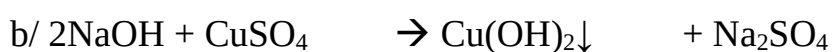
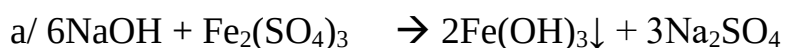
c/ Dung dịch NaCl và dung dịch BaCl₂

Viết các phương trình hóa học, nếu có.

Hướng dẫn giải:

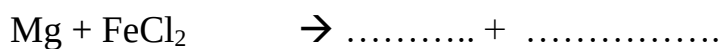
Chọn câu a và b

Pt :



C. PHIẾU HỌC TẬP

1) Viết phương trình phản ứng (học sinh dựa vào các phương trình hóa học trên ví dụ để viết)



2) Có 3 lọ không nhãn mỗi lọ đựng dd sau: KOH, KCl, KNO₃. Hãy dùng những dd có sẵn trong phòng TN để nhận biết mỗi lọ. Viết các PTHH

Hướng dẫn: Cách làm bài nhận biết giống các bài trước. Dung dịch có gốc -Cl thì được nhận bằng dung dịch AgNO₃ có kết tủa trắng

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3) Cho 4,8g Mg tác dụng vừa đủ với 200ml dd HCl

a) Tính thể tích khí sinh ra ở điều kiện chuẩn ($V = n \cdot 24,79$)

b) Tính nồng độ mol dd HCl

c) Để trung hòa lượng acid trên cần dùng bao nhiêu ml dd Ba(OH)_2 2M

($\text{Mg} = 24$) .

Hướng dẫn câu c: viết phương trình $\text{Ba(OH)}_2 + \text{ZnCl}_2 \rightarrow$

Đem số mol HCl thêm vào , tính số mol các chất trong phương trình, dùng công thức tính $V_{\text{dd}} = n / C_M$. Tính thể tích dd Ba(OH)_2).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Dặn dò :

- Chép phần A và B vào tập
- Học lại hóa trị của các nguyên tố và nhóm nguyên tử
- Hoàn thành phiếu học tập.
- Xem trước bài 11.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài	SĐT: 0384016912
2 Thầy Hậu	SĐT: 0933351932
3 Cô Xem	SĐT: 0767108446
4.Cô Huệ	SĐT: 0785656236

I. ĐIỆN NĂNG

1. Dòng điện có mang năng lượng

- Dòng điện có mang năng lượng vì nó có khả năng thực hiện công và cung cấp nhiệt lượng để làm thay đổi nhiệt năng của các vật .
- Năng lượng của dòng điện được gọi là điện năng.

2. Sự chuyển hóa điện năng thành các dạng năng lượng khác

- Điện năng có thể chuyển hóa thành các dạng năng lượng khác như: cơ năng, quang năng, nhiệt năng,.....

Ví dụ: + Điện năng → Cơ năng: Quạt máy, Máy khoan,....

+ Điện năng → Nhiệt năng: Bàn ủi, bếp điện,...

+ Điện năng → Quang năng: Đèn huỳnh quang, đèn LED,....

- Các dạng năng lượng kể trên có thể là năng lượng có ích, hoặc năng lượng hao phí (vô ích)

Ví dụ: Dòng điện đi qua quạt máy làm:

+ Cánh quạt quay → Có ích (Cơ năng)

+ Máy trong quạt nóng lên → Hao phí (Nhiệt năng)

❖ **Tỉ số giữa công có ích và công toàn phần gọi là hiệu suất.**

Hiệu suất sử dụng điện năng

$$H = \frac{A_i}{A_{hp} + A_i} \times 100$$

Trong đó:

- A_i : Năng lượng có ích
- A_{hp} : Năng lượng hao phí vô ích
- A_{tp} : Năng lượng toàn phần được chuyển hóa từ điện năng

II. CÔNG SUẤT ĐIỆN TIÊU THỤ VÀ GIÁ TRỊ ĐỊNH MỨC CỦA CÁC DỤNG CỤ ĐIỆN

❖ **Công của dòng điện:** sinh ra trong một đoạn mạch là số đo lượng điện năng mà đoạn mạch đó tiêu thụ để chuyển hoá thành các dạng năng lượng khác.

❖ **Công suất điện của một đoạn mạch:** là số đo lượng điện năng mà đoạn mạch đó tiêu thụ trong một đơn vị thời gian

❖ **Công thức tính công suất điện**

$$\mathcal{P} = \frac{A}{t}$$

A: Công của dòng điện (J)

$\mathcal{P}$: Công suất điện (W) - W: đọc là Oát

t: thời gian thực hiện công (s)

- Trên mỗi dụng cụ điện có ghi số Vôn và số Oát. Các giá trị này được gọi là Hiệu điện thế định mức và công suất định mức.

- Khi HĐT đặt vào dụng cụ điện bằng HĐT định mức thì Dụng cụ điện đó hoạt động bình thường và công suất tiêu thụ bằng Công suất định mức.

- Một dụng cụ điện hoạt động càng mạnh thì công suất của nó càng lớn.

❖ **Số ghi trên dụng cụ điện**

Ví dụ: Bóng đèn (220V – 14W). Con số đó cho biết điều gì?

→ 220V: HĐT định mức của đèn là 220V

→ 14W: Công suất định mức của đèn là 14W

III. CÔNG THỨC TÍNH CÔNG VÀ CÔNG SUẤT ĐIỆN

1. Công thức tính Công suất

$$1/ \mathcal{P} = \frac{A}{t}$$

$$2/ \mathcal{P} = U.I$$

$$3/ \mathcal{P} = R.I^2$$

$$4/ \mathcal{P} = \frac{U^2}{R}$$

2. Công thức tính Công

$$1/ A = \mathcal{P}.t$$

$$2/ A = U.I.t$$

$$3/ A = R.I^2.t$$

$$4/ A = \frac{U^2}{R}t$$

Trong đó:

U: HĐT (V)

I : CĐDD (A)

t : Thời gian (s)

- Ngoài ra công của dòng điện còn được đo bằng đơn vị kilooat giờ (kWh)

$$1\text{kWh} = 1000\text{W} \cdot 3600\text{s} = 3600000\text{J} = 3,6 \cdot 10^6 \text{ J}$$

3. Đo điện năng tiêu thụ

Để đo điện năng tiêu thụ, người ta dùng công tơ điện hay còn gọi là điện kế

Tiết 13 – LUYỆN TẬP

A. LÝ THUYẾT

1. Công thức tính Công suất

$$1/ \mathcal{P} = \frac{A}{t}$$

$$2/ \mathcal{P} = U.I$$

$$3/ \mathcal{P} = R.I^2$$

$$4/ \mathcal{P} = \frac{U^2}{R}$$

2. Công thức tính Công

$$1/ A = \mathcal{P}.t$$

$$2/ A = U.I.t$$

$$3/ A = R.I^2.t$$

$$4/ A = \frac{U^2}{R}t$$

Trong đó:

U: HĐT (V)

I : CĐDD (A)

t : Thời gian (s)

DẠNG 1: RÁP VÀO BÀI TOÁN MẠCH NỐI TIẾP – MẠCH SONG SONG

❖ Tính công suất điện tiêu thụ qua điện trở R_1 , R_2 và toàn mạch

$$\mathcal{P}_1 = U_1.I_1$$

$$\mathcal{P}_2 = U_2.I_2$$

$$\mathcal{P}_m = U_m.I_m$$

DẠNG 2: BÀI TOÁN TÍNH TIỀN ĐIỆN

Bước 1: Điện năng tiêu thụ trongngày:

(Cũng là Công của dòng điện)

→ $A = \mathcal{P}. t = \mathcal{P}. (\text{số giờ} . \text{số ngày})$

$$A = \text{.....Wh.....} = \text{Kwh}$$

(đổi từ Wh → Kwh : chia 1000)

Bước 2: Số tiền cần trả

→ $A \times \text{Số tiền 1Kwh} = \text{.....(đồng)}$

B. VÍ DỤ MINH HOẠ

Một bóng đèn (220V – 14W) được sử dụng trung bình 5 giờ mỗi ngày. Tính số tiền điện cần trả cho bóng đèn đó trong 1 tháng (30 ngày). Biết 1Kwh giá 2000 đồng?

Tóm tắt:

$$U = 220V$$

$$P = 14W$$

$$t = 5 \text{ h}$$

$$A = ?$$

Số tiền cần phải trả?

Giải:

Điện năng tiêu thụ của đèn trong 1 tháng là:

$$A = P.t = 14.30.5 = 2100Wh = 2,1kWh$$

Số tiền cần phải trả là:

$$2,1.2000 = 4200 \text{ đồng}$$

B. BÀI TẬP – PHIẾU HỌC TẬP

Bài 1: Bếp điện (220V – 1200W) được nối vào ổ cắm của mạng điện gia đình có HĐT 220V. Mỗi ngày bếp sử dụng 0,2h, 1kWh = 2500đ

a) Tính điện năng tiêu thụ của bếp trong 1 tháng (30 ngày)?

b) Tính số tiền phải trả của bếp trong 1 tháng?

Hướng dẫn: Giải tương tự ví dụ minh họa

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Quạt máy (220V – 55W) được nối vào ổ cắm của mạng điện gia đình có HĐT 220V. Mỗi ngày quạt sử dụng 6 h, 1kWh = 2500đ

a) Tính điện năng tiêu thụ của quạt trong 1 tháng (30 ngày)

b) Tính số tiền phải trả của quạt trong 1 tháng

Hướng dẫn: Giải tương tự ví dụ minh họa

.....

.....

.....

.....

.....

Dùng CT tính công suất để giải câu d

Dùng CT tính công suất để giải câu d

***YÊU CẦU**

- Chép nội dung lý thuyết vào tập.
- Làm bài tập trong phiếu học tập.

Mọi thắc mắc Quý PH vui lòng liên lạc:

- Cô Tâm – 0975375268
- Cô Ngọc – 0967828984
- Thầy Châu – 0974498493
- Thầy Hiền - 0937013009

SINH HỌC KHỐI 9 – TUẦN 7

(Từ ngày 18/9 đến ngày 23/9)

TIẾT 13 -14

PRÔTÊIN **MỐI QUAN HỆ GIỮA GEN (DNA) VÀ TÍNH TRẠNG**

I. PROTEIN

- Prôtêin là hợp chất hữu cơ được cấu tạo **chủ yếu** bởi **các nguyên tố**
- Prôtêin thuộc loại đại phân tử, cấu trúc theo nguyên tắc đa phân, gồm hàng trăm đơn phân
- Đơn phân là các(có hơn 20 loại axit amin khác nhau)
- Prôtêin có tính đa dạng và đặc thù:
 - + Đa dạng: dokhác nhau của các axit amin.
 - + Đặc thù: Prôtêin đặc thù bởi.....,,của các axit amin, cấu trúc không gian và số chuỗi axit amin.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA ARN VÀ PRÔTÊIN

- Gen mang thông tin cấu trúc củaở trong nhân tế bào
- Prôtêin **được** hình thành ở tế bào chất
- mARN là dạng trung gian trong mối quan hệ giữa gen và prôtêin
- mARN sau khi được hình thành rời khỏi nhân ra tế bào chất **làm khuôn mẫu** để tổng hợp chuỗi axit amin
- tARN mang các axit amin tới ribôxôm đối mã với mạch ARN và diễn ra theo NTBS (A – U, G – X)

- Cú 3trên mARN quy định một.....

⇒ Trình tự sắp xếp cáctrên mạch mARN sẽ quy định trình tự sắp xếp cáctrong Prôtêin

III. MỐI LIÊN HỆ GIỮA GEN (DNA) VÀ TÍNH TRẠNG

- Mối quan hệ giữa các gen và tính trạng được thể hiện qua sơ đồ :

Gen (một đoạn ADN) → → → Tính trạng

- Bản chất của mối quan hệ:

- Trình tự các nuclêôtit trên ADN quy định trình tự....., thông qua đó ADN qui định trình tự cáctrong chuỗi axit amin cấu thành prôtêin.
- Prôtêin **trực tiếp** tham gia vào cấu trúc và hoạt động sinh lý của tế bào, từ đó biểu hiện thànhcủa cơ thể.

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Thủy (09796708939)

MÔN TIN HỌC - KHỐI 9

(Từ ngày 18/10/2021 đến ngày 23/10/2021)

LÝ THUYẾT

BÀI 4: TÌM HIỂU THƯ ĐIỆN TỬ (Tiết 2)

2. Tạo tài khoản, gửi và nhận thư điện tử

a. Tạo tài khoản thư điện tử:

- Người dùng cần đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử trên Internet như Google, Yahoo, Microsoft, ...
- Sau khi tạo tài khoản, người dùng sẽ có **hộp thư điện tử**, cùng với *tên đăng nhập* và *mật khẩu*.
- Hộp thư điện tử được gán với một địa chỉ thư điện tử.
- Địa chỉ thư điện tử có dạng:

<tên đăng nhập> @ <tên máy chủ lưu hộp thư>

VD: annv91pch@gmail.com;

hungnv@yahoo.com

b. Nhận và gửi thư

- Ta thực hiện:
 1. Truy cập trang web cung cấp dịch vụ thư điện tử.
 2. Đăng nhập: Gõ *tên đăng nhập*, *mật khẩu* rồi nhấn *Enter* (hoặc nháy nút *Đăng nhập*).
- Để đọc nội dung một thư, ta chỉ cần nháy chuột vào liên kết đó.
- Dịch vụ thư điện tử cung cấp các chức năng chính:
 - + Mở và xem danh sách các thư đã nhận và được lưu trong hộp thư.
 - + Mở và đọc nội dung của một thư cụ thể.
 - + Soạn thư và gửi thư cho một hoặc nhiều người.
 - + Trả lời thư.
 - + Chuyển tiếp thư cho người khác.

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- | | | |
|--------------|---|------------------|
| 1. Cô Thủy | → | Zalo: 0908962965 |
| 2. Cô Hà | → | Zalo: 0908281062 |
| 3. Thầy Phái | → | Zalo: 0938779246 |
| 4. Cô Trinh | → | Zalo: 0983860352 |

MÔN TIN HỌC - KHỐI 9

(Từ ngày 18/10/2021 đến ngày 23/10/2021)

LÝ THUYẾT

PHIẾU HỌC TẬP

➤ HƯỚNG DẪN: Trả lời câu hỏi tuần 6

- Thư điện tử là dịch vụ chuyển thư dưới dạng số trên mạng máy tính thông qua các "hộp thư điện tử".
 - Ưu điểm:
 - + Chi phí thấp
 - + Thời gian chuyển gần như tức thời
 - + Một người có thể gửi đồng thời cho nhiều người khác
 - + Có thể gửi kèm tệp....
- Mô tả mô hình hoạt động của thư điện tử
 - + Người gửi soạn thư và có địa chỉ thư điện tử của người nhận.
 - + Người gửi gửi thư cho máy chủ thư điện tử.
 - + Máy chủ thư điện tử vận chuyển thư điện tử nhờ Internet.
 - + Máy chủ thư điện tử nhận thư và gửi cho người nhận.
- Những điểm giống và khác nhau giữa **mô hình hoạt động thư điện tử** và **mô hình chuyển thư truyền thống**?
 - Giống nhau: Việc gửi và nhận thư đều qua các bước gửi thư, vận chuyển thư và nhận thư.
 - Khác nhau:

Chuyển thư truyền thống	Chuyển thư truyền thống	Thư điện tử
Phương tiện	.Sử dụng các phương tiện vận chuyển khác nhau.	Internet
Thời gian	.Mất nhiều thời gian	Gần như tức thời
Chi phí	.Có tốn phí	Chi phí thấp

➤ **CÂU HỎI TUẦN 7:**

1. Để có thể sử dụng dịch vụ thư điện tử, trước hết chúng ta cần phải làm gì?

.....
.....

2. Hãy liệt kê các thao tác làm việc với thư điện tử?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Trong các địa chỉ dưới đây, địa chỉ nào là địa chỉ thư điện tử?

(A) www.vnexpress.net

(B) NgaBT@gmail.com

(C) hungnv@yahoo.com

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- | | | |
|--------------|---|------------------|
| 1. Cô Thủy | → | Zalo: 0908962965 |
| 2. Cô Hà | → | Zalo: 0908281062 |
| 3. Thầy Phái | → | Zalo: 0938779246 |
| 4. Cô Trinh | → | Zalo: 0983860352 |

Tiết 13- 14 : ÔN TẬP CHƯƠNG I

Bài 1: Rút gọn các biểu thức sau

1) $\sqrt{243} - 3\sqrt{12} + 2\sqrt{27}$

2) $\sqrt{(3 - \sqrt{7})^2} + \sqrt{(\sqrt{7} + 1)^2}$

3) $\sqrt{(\sqrt{3} - \sqrt{2})^2} - \sqrt{11 + 4\sqrt{6}}$

4) $\sqrt{7 + 4\sqrt{3}} - \sqrt{7 - 4\sqrt{3}}$

5) $\frac{3}{\sqrt{5}-1} + \frac{3}{\sqrt{5}+1}$

6) $\frac{7}{6+\sqrt{13}} - \frac{7}{6-\sqrt{13}}$

7) $\frac{1}{2-\sqrt{3}} + \frac{6}{3+\sqrt{3}}$

8) $\frac{3\sqrt{3}-2\sqrt{3}}{\sqrt{3}-\sqrt{2}} - \frac{10}{1+\sqrt{6}}$

9) $\frac{4}{3+\sqrt{5}} - \frac{8}{1+\sqrt{5}} + \frac{3\sqrt{10}-3\sqrt{5}}{\sqrt{2}-1}$

Bài 2: giải phương trình và bất phương trình

1) $\sqrt{x+1} = 2$

2) $\sqrt{4x-11} = 5$

3) $\sqrt{2(3-x)} = 6$

4) $2\sqrt{x-1} - 1 = 5$

5) $\sqrt{3x+5} = \sqrt{x-1}$

6) $\sqrt{-x+2} = \sqrt{3-4x}$

7) $\sqrt{(2x+5)^2} = 3$

8) $\sqrt{(x+2)^2} = 1$

Tiết 13- 14 : ỨNG DỤNG THỰC TẾ TỈ SỐ LƯỢNG GIÁC CỦA GÓC NHỌN

Bài 1: Cho $\triangle ABC$ vuông tại A có đường cao AH, biết $AB = 30$ cm, $BC = 50$ cm.

- a) Viết tất cả các hệ thức lượng và công thức Pytago.
b) Hãy tính độ dài các đoạn thẳng sau: AC, AH.

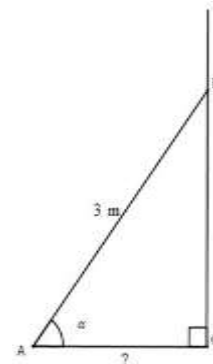
Bài 2:

Cho $\triangle DEF$ vuông tại D có đường cao DK, biết $EK = 0,9$ cm, $KF = 0,16$ cm.

Hãy tính độ dài các đoạn thẳng sau: DK, DF.

Bài 4:

Một cái thang dài 3m. Để đảm bảo an toàn khi dùng thang phải đặt thang này tạo với mặt đất một góc có độ lớn 67° ($\alpha = 67^\circ$). Vậy hãy cho biết: Khi dùng thang đó chân thang phải đặt cách tường bao nhiêu mét để đảm bảo an toàn.



Bài 5:

Cho $\triangle MNE$ vuông tại M ($MN > ME$) có đường cao MI, trên đoạn thẳng MN lấy K tùy ý. Gọi H là hình chiếu của điểm M trên đoạn thẳng EK.

- a) CM: $EH.EK = EI.EN$
b) CM: $\widehat{IHE} = \widehat{IME}$

Mọi thắc mắc Phụ huynh liên hệ cô Giang, SĐT 0983727821, để được giải đáp.

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 9
(Từ ngày 18/10/2021 đến 23/10/2021)

TUẦN 7

A. LÝ THUYẾT:

Chủ đề 2: CÁC NƯỚC Á, PHI, MĨ LA TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Nội dung 4: CÁC NƯỚC CHÂU PHI

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

- Sau CTTG2, phong trào đấu tranh diễn ra sôi sục nhất ở Bắc Phi
- 1960, 17 nước giành độc lập gọi là “Năm châu Phi”
- Công cuộc xây dựng đất nước thu nhiều thành tích nhưng vẫn đói nghèo, lạc hậu, xung đột, nội chiến, nợ nần, bệnh tật ...
- Thành lập Liên minh châu Phi (AU) để hợp tác, giúp đỡ cùng nhau

II. CỘNG HOÀ NAM PHI:

- Chính quyền thực dân da trắng Nam Phi thi hành chế độ phân biệt chủng tộc (A-pác-thai)
- Năm 1993, Dưới sự lãnh đạo của tổ chức “Đại hội dân tộc Phi”(ANC) chế độ **A-pác-thai** được xoá bỏ
- Tháng 4/1994, Nen-xon Man-đê-la trở thành Tổng thống da đen đầu tiên của cộng hòa Nam Phi.
- Nam Phi đang tập trung phát triển kinh tế và xã hội nhằm xoá bỏ “*Chế độ Ápácthai về kinh tế*”.

B. PHIẾU BÀI TẬP VẬN DỤNG:

HOÀN THÀNH BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân của nhân dân châu Phi nổ ra sớm nhất ở:

- A. Nam Phi.
- B. Bắc Phi.**
- C. Trung Phi.
- D. Đông Phi.

Câu 2. Năm 1960, có bao nhiêu nước châu Phi tuyên bố độc lập?

- A. 15
- B. 16
- C. 17**
- D. 18

Câu 3 . Trước năm 1961, Nam Phi là thuộc địa của nước nào?

- A. Pháp
- B. Tây Ban Nha
- C. Bồ Đào Nha
- D. Anh**

Câu 4. Chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai tồn tại ở Nam Phi trong thời gian bao lâu?

- A. Hơn 50 năm.
- B. Hơn một thế kỉ.
- C. Hơn hai thế kỉ.
- D. Hơn ba thế kỉ.**

Câu 5. Cuộc đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi do tổ chức nào lãnh đạo?

- A. Đại hội dân tộc Phi**
- B. Liên hợp quốc
- C. Tổ chức thống nhất châu Phi.
- D. PLO

Câu 6. Ý nào dưới đây không phải kết quả của cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi?

- A. Nén-xon Man-đê-la được trả tự do.

B. Bầu cử được tiến hành, người da đen được bầu làm tổng thống.

C. Chế độ A-pác-thai bị xóa bỏ.

D. Người da trắng vẫn được hưởng nhiều quyền lợi hơn người da đen.

Câu 7. Tội ác lớn nhất của chế độ phân biệt chủng tộc A-pác-thai ở Nam Phi là gì?

A. Bóc lột tàn bạo người da đen.

B. Gây chia rẽ nội bộ Nam Phi.

C. Tước quyền tự do của người da đen.

D. Phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 8. Sự kiện nào gắn liền với tên tuổi của Nen-xơn Man-đê-la?

A. Lãnh tụ nổi tiếng trong phong trào chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân.

B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở An-giê-ri.

C. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

D. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng-gô-la.

Câu 9. Nguyên nhân nào dẫn đến tình hình châu Phi ngày càng khó khăn và không ổn định trong những năm 80 của thế kỉ XX?

A. Thường xuyên xảy ra các cuộc xung đột, nội chiến đẫm máu giữa các sắc tộc, tôn giáo.

B. Bùng nổ dân số, đói nghèo, bệnh tật, nợ nần chồng chất.

C. Sự xâm nhập, bóc lột của chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 10. Chiến lược “Kinh tế vĩ mô” (6/1996) ở Nam phi ra đời với tên gọi là gì?

A. Giải quyết việc làm cho người lao động da đen.

B. Vì sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước.

C. Hội nhập, cùng phát triển.

D. Tăng trưởng, việc làm và phân phối lại.

C. DẶN DÒ:

- Học thuộc các Chủ đề 1- Nội dung 1,2 và chủ đề 2 - nội dung 1,2,3 Thứ bảy ngày 23/10/2021 kiểm tra 15 phút từ 9h đến 9h30 phút .
- Làm phần bài tập.
- Đọc trước nội dung 5.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Cô Tuyền: 0981979190